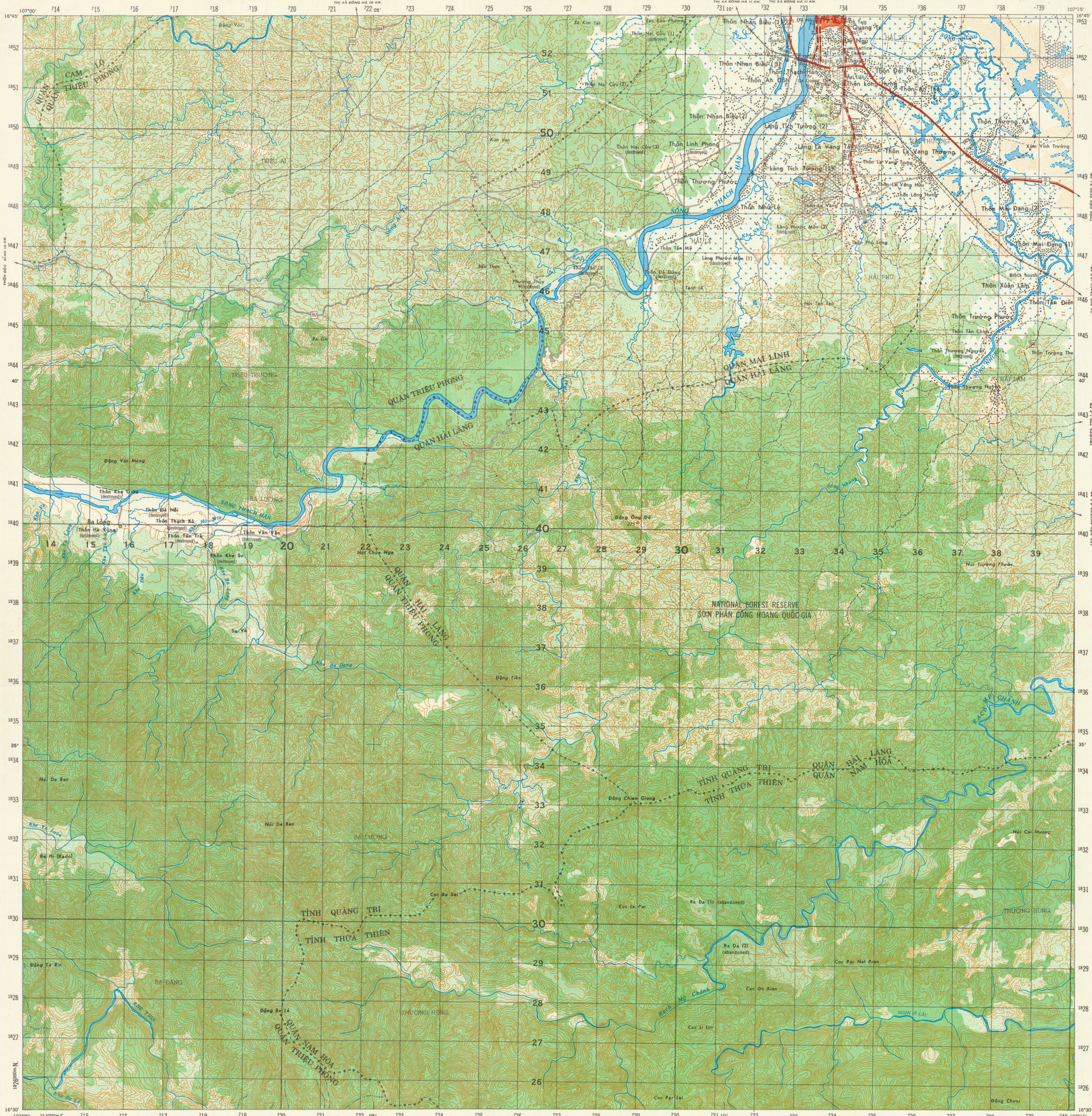




NHÀ ĐỊA-DƯ QUỐC-GIA VIỆT-NAM ẮN-HÀNH
PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC DIRECTORATE, VIETNAM
Ấn-hành lần thứ 3-74
4 1/2 Printing 3-74

LEGEND - CHỮ-TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1968
BẢN-ĐỒ TÍN-TỨC NĂM 1968

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Trên bản đồ này một LỐI XE ĐI được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét.

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is covered by canopy with undergrowth generally impenetrable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is covered by canopy with undergrowth generally penetrable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography. Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lớp thành rừng cây bụi và phía dưới rừng thông thường thì gọi là rừng thưa. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lớp thành rừng cây bụi và phía dưới rừng thì gọi là rừng thưa. Thảm thực vật phân loại theo không đồng nhất.

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

ROADS - ĐƯỜNG-SÁ
All weather, hard surface, two or more lanes wide
Đường nhựa cứng, có hai hay nhiều làn xe đi
All weather, loose or light surface, two or more lanes wide
Đường cát có hai hay nhiều làn xe đi
All weather, hard surface, one lane wide
Đường nhựa cứng, có một làn xe đi
All weather, loose or light surface, one lane wide
Đường cát có hai hay nhiều làn xe đi
Fair or dry weather, loose surface - Đường đất
Chỉ đường - Đường cát hoặc đường đất
Footpath, trail - Đường mòn, đường bộ hành
Đường mòn - Đường mòn, đường bộ hành

ROUTE MARKERS - DẤU-HIỆU ĐƯỜNG-SÁ
National interprovincial
Quốc-lộ, Làn đường bộ
Provincial, Commercial or other
Tỉnh-lộ, Hướng-lộ hay khác
Tỉnh-lộ, Hướng-lộ hay khác

RAILROADS - ĐƯỜNG XE LỬA
Normal gauge, single track, 1 meter (3'3") wide, Station
Lối đường sắt, một đường, gauge 1 mét, Ga, trạm
Normal gauge, double track
Lối đường sắt, hai đường
Narrow gauge, single track
Lối đường sắt, một đường
Lối đường sắt, một đường

Airfield: All weather, Seasonal
Sân bay: Đường nhựa cứng, Tầng mùa

Bridges
Wood - Cầu gỗ
Steel - Cầu sắt
Concrete - Cầu bê-tông
Footbridge - Cầu nhỏ
Ferry - Phà
Ferry - Cầu nhỏ
Road on levee - Đường đắp
Levee, Wall - Bờ đắp, Tường
Canal or ditch, Less than 10 meters wide, Over 10 meters wide
Kênh hay mương đào: Rộng dưới 10 mét, Rộng trên 10 mét

Build-up area - Thôn-thị
Village - Làng
Church, Christian shrine, School
Nhà thờ, Chùa, Trường học
Religious building
Đền, miếu, Chùa, Am
Post office, Telegraph, Telephone
Bưu-cấp, Điện-thư, Điện-thoại
Cemetery - Nghĩa-đàn
Fort, Ruins - Đền, Tàn tích
National control point
Điểm kiểm soát quốc gia
Spot elevation in meters: Checked, Unchecked
Cao-điểm đo cao: Đã kiểm tra, Chưa kiểm tra
International boundary - Ranh giới Quốc-gia
Phân giới Quốc-gia
Tỉnh boundary - Ranh giới Tỉnh
Ranh giới Tỉnh
District boundary - Ranh giới Quận
Ranh giới Quận
Area name
Tên vùng hay địa-danh
Positive office, Detachment office
Trạm hành chính, Trạm hành chính Chi-đoàn
Task, Well, Spring
Điểm hành quân, Điểm hành quân
Bà chầu nước, Cầu nước
Masonry dam, Earthen dam
Đập bê-tông, Đập đất
Lake or pond, Perennial, Intermittent
Hồ hay đầm, Có nước quanh năm, Tầng mùa

Water: Mangrove
Đầm nước, Cây lác
Rice, Swamp
Cà phê, Cỏ lác
Palm, Brushwood
Cây dừa, Cây lác
Pin, Bamboo
Cây thông, Cây trúc

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

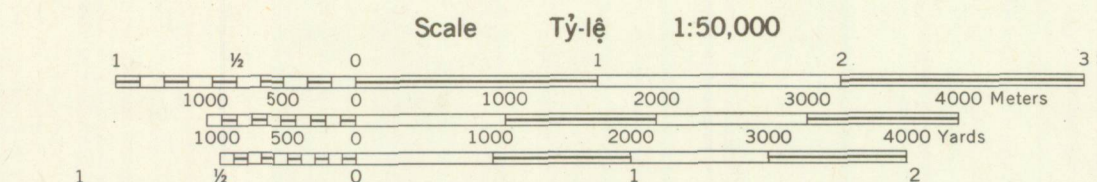
Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn



CONTOUR INTERVAL - 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 10 METERS

SPHEROID: EVEREST
GRID: 1,000 METER UTM ZONE 48
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM: MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960

PREPARED BY: AMS (AM), U. S. ARMY, 1968
CONTROL BY: NGS, VIETNAM

USERS ARE URGED TO REFER TO CORRECTIONS AND COMMENTS FOR INCREASING THE USEFULNESS OF THIS MAP TO D.N.A. TOPOGRAPHIC CENTER WASHINGTON, D.C. 20315.

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC-HOẠ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GLOSSARY - CỜ-TỰ

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

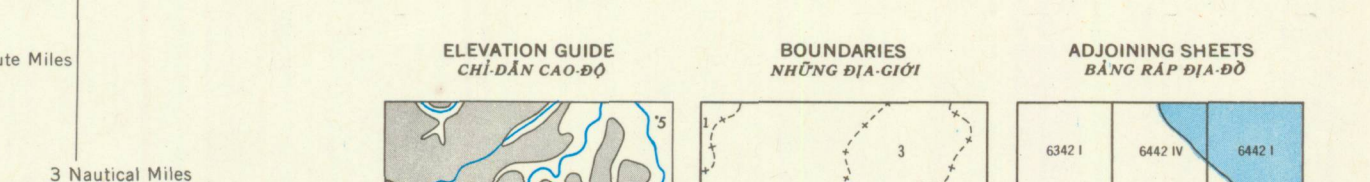
Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn



KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG 10 MÉT

EVEREST
UTM ZONE 1,000 METER UTM ZONE 48
TRANSVERSE MERCATOR
MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
INDIAN DATUM 1960

AMS (AM), U. S. ARMY, 1968
NGS, VIETNAM

USERS ARE URGED TO REFER TO CORRECTIONS AND COMMENTS FOR INCREASING THE USEFULNESS OF THIS MAP TO D.N.A. TOPOGRAPHIC CENTER WASHINGTON, D.C. 20315.

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC-HOẠ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GLOSSARY - CỜ-TỰ

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

Health
Bệnh viện
Ditch
Rãnh
Lagoon
Lầy
River
Sông
Stream
Dòng nước
Settlement
Thị trấn
Settlement
Thị trấn

BA LÒNG (THÔN HÀ VÙNG), VIETNAM